

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 7 - 2019

"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Diện

Bà Không Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Minh Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-DS ngày 10/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vương Thị H, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn T1, xã T2, huyện B, tỉnh Hà Giang. (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Long Văn Th, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn T1, xã T2, huyện B, tỉnh Hà Giang; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vương Thị H trình bày: Chị và anh Long Văn Th tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2012 tại UBND xã T2, huyện B, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th ham chơi, không chịu tu chí làm ăn, khi kiếm được tiền thì tự chi tiêu cá nhân, ngoài ra anh Th không

chung thủy, từ đó dẫn đến mâu thuẫn và vợ chồng có cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được anh em, bạn bè khuyên giải nhưng không có kết quả. Anh chị đã quyết định sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể hòa hợp, không có hạnh phúc, chị không thể tiếp tục chung sống với anh Th nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Long Văn Th. Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Long Thị H, sinh ngày 30/9/2012 và cháu Long Thị Tâm Nh, sinh ngày 23/12/2017. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Long Thị Tâm Nh cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và giao cho anh Long Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Long Thị H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, vì vậy khi ly hôn không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 30/5/2019 bị đơn là anh Long Văn Th trình bày: Anh và chị Vương Thị H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2012 tại UBND xã T2, huyện B, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn chị H đi làm dâu, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh Th ở thôn T1, xã T2, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th đi làm, chị H ở nhà nghỉ ngơi anh Th ăn chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc đến gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh Th không nhất trí vì cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị H chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn khắc phục được nên anh Th mong chị H rút đơn khởi kiện tại Tòa án để quay trở lại đoàn tụ và cùng nhau nuôi dạy, chăm sóc con cái. Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Long Thị H, sinh ngày 30/9/2012 và cháu Long Thị Tâm Nh, sinh ngày 23/12/2017. Thời gian vợ chồng sống ly thân và cho đến nay cháu Long Thị H ở với anh Th còn cháu Long Thị Tâm Nh ở với mẹ. Do anh Th không nhất trí ly hôn nên cũng không có ý kiến gì về phần con chung. Hiện nay anh Th là lao động tự do với mức thu nhập trung bình 9.000.000^d/tháng. Anh Th không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh mức thu nhập cho Tòa án. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Long Văn Th nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Th không có mặt để tham gia tố tụng do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại các biên bản xác minh ngày 30/5/2019 và ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với Bí thư chi bộ thôn T1, xã T2, Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã T2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T2 phản ánh về tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con của chị Vương Thị H và anh Long Văn Th như sau: Chị Vương Thị H và anh Long Văn Th đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện B, tỉnh Hà Giang vào ngày 19/11/2012 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị

về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh Th ở thôn T1, xã T2, huyện B. Quá trình chung sống, anh Th và chị H có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Th ham chơi, không chịu tu chí làm ăn. Năm 2017 do mâu thuẫn vợ chồng chị H đã bỏ về bố mẹ đẻ sinh sống nhưng sau đó anh Th đến đón về và vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên đến tháng 9 năm 2018 chị H đã có đơn xin ly hôn gửi đến Ủy ban nhân dân xã T2, Ủy ban nhân dân xã T2 đã hòa giải nhưng không khắc phục được. Từ đầu năm 2019 đến nay chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Long Thị H, sinh ngày 30/9/2012 và cháu Long Thị Tâm Nh, sinh ngày 23/12/2017. Chị H và anh Th đều là lao động tự do, không rõ mức thu nhập. Từ đầu năm 2019 chị H đã đưa cháu Nh về nhà bố mẹ đẻ chị H sinh sống cho đến nay, còn cháu H do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng có điều kiện sống và học tập tốt. Chính vì vậy, theo ý kiến của chính quyền địa phương, nếu chị H và anh Th ly hôn nên giao cháu lớn là cháu Long Thị H cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu nhỏ là cháu Long Thị Tâm Nh nên giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cho mỗi cháu đều được chăm sóc tốt, mặt khác cháu nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cho mẹ trực tiếp nuôi là phù hợp.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn thực hiện một phần nghĩa vụ theo quy định pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Vương Thị H được ly hôn anh Long Văn Th. Việc nuôi con: giao cháu Long Thị H, sinh ngày 30/9/2012 cho anh Long Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, giao cháu Long Thị Tâm Nh, sinh ngày 23/12/2017 cho chị Vương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: nguyên đơn là chị Vương Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Vương Thị H có đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn là anh Long Văn Th, anh Long Văn Th có nơi cư trú tại thôn T1, xã T2, huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Vương Thị H vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Long Văn Th vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản

3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Vương Thị H và anh Long Văn Th.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vương Thị H và anh Long Văn Th xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc tại thôn T1, xã T2, huyện B. Đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th ham chơi, không tu chí làm ăn. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được Ủy ban nhân dân xã T2 hòa giải nhưng không khắc phục được. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ đầu năm 2019 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Vương Thị H có yêu cầu xin ly hôn anh Long Văn Th, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Vương Thị H được ly hôn anh Long Văn Th.

[2.2] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Long Thị H, sinh ngày 30/9/2012 và cháu Long Thị Tâm Nh, sinh ngày 23/12/2017. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Long Thị Tâm Nh cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và giao cho anh Long Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Long Thị H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Th không nhất trí ly hôn nên không có ý kiến gì về phần con chung. Chị Hoa, anh Th không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ đầu năm 2019 cho đến nay, cháu Long Thị H do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, có điều kiện sống và học tập tốt, còn cháu Long Thị Tâm Nh do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác cháu Long Thị Tâm Nh còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Long Thị Tâm Nh cho chị Vương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi và giao cháu Long Thị H cho anh Long Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18. Chị Vương Thị H và anh Long Văn Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.3] Về chia tài sản chung: chị Vương Thị H và anh Long Văn Th đều trình bày quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, tài sản riêng và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: nguyên đơn chị Vương Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vương Thị H được ly hôn anh Long Văn Th.

2. Về việc nuôi con: Xử giao cháu Long Thị Tâm Nh sinh ngày 23/12/2017 cho chị Vương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi và giao cháu Long Thị H sinh ngày 30/9/2012 cho anh Long Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, chị H, anh Th có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Vương Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

